

trưởng và phát triển tốt hơn trong vụ hè thu. Khi xây dựng mô hình trồng vụ đông xuân đã cho lãi 542,81 triệu đồng/ha và tỷ suất lãi đạt 39,99%.

+ Ở xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, cả 2 giống Sorbonne và Yelloween đều sinh trưởng và phát triển tốt khi trồng trong chậu dưới điều kiện nhà có mái che để phục vụ cho dịp Tết Nguyên Đán. Mô hình này có thể cho lãi từ 38,0 - 46,0 triệu đồng/1000 chậu và tỷ suất lãi đạt từ 79,63 - 92,56%.

## **2. Đề nghị**

- Khi sản xuất hoa lily nên sản xuất trong nhà có mái che sẽ cho năng suất, chất lượng và hiệu quả cao hơn so với trồng hoa lily ở ngoài trời.

- Ứng dụng các kết quả nghiên cứu trên cho các vùng trồng hoa của tỉnh Bình Định.

## **1. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Việt Chương, Lâm Thị Mỹ Hương (năm 2006); *Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây*

*cánh* - Phương pháp trồng hoa. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đặng Văn Đông (năm 2004); *Phòng trừ sâu, bệnh trên một số loài hoa phổ biến*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Đặng Văn Đông và CS (2008) “*Kết quả nghiên cứu tuyển chọn giống hoa lily Sorbonne Tại Việt Nam*”, Kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ năm 2008. NXB Nông nghiệp.
4. Trần Duy Quý và CS (2004). *Giới thiệu một số giống lily mới, được nhập vào Việt Nam và khả năng phát triển của chúng*. Bản tin nông nghiệp giống- công nghệ cao, (Số 6) trang 11-12. NXB Nông nghiệp Hà Nội.
5. Toto Sutater and Kusumah E. (6/1997), “*Cut flower production in Indonesia*”, Jakarta, Indonesia.
6. Daniels LH (1986), *The lily plant*. The lily yearbook of the north American lily society

**Người phản biện:**  
**TS. Phạm Xuân Liêm**

## **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TUYỂN CHỌN MỘT SỐ GIỐNG HOA (CÚC, LAY ƠN, HUỆ) CHO VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

Lê Văn Luy, Tạ Thị Quý Nhung, Trần Minh Hải,  
Phan Ái Chung, Vũ Văn Khuê.

### **SUMMARY**

#### **The results of research and selection some flower varieties (chrysanthemum, gladiolus, tuberose) for southern coastal central Vietnam**

Research and selection some flower varieties suitable ecological conditions in the Southern Coastal Central is a necessary and urgent requirement for the target restructure to improve plant productivity on a unit area of farmland. In three years (2006-2009) implemented the subject, the results show that the chrysanthemum varieties have been selected are: gold Sapia, Dai Doa, yellow Fam, red Lic, quality flowers good, commercial branches yield 258,961 -304,876 branches /ha. Gladiolus varieties such as Golden BB and Song Sac has good color flower, good disease resistance, yield 242,501 to 281,422 branches/ha. In the tuberose varieties, Perfume Tuberose and Vertical Leaves Tuberose have yield of commercial branches 242,501 to 281,422 branches/ha, less pest and diseases, quality flowers good. Through seminar on demonstration, farmers appreciated the quality and productivity of these flower varieties.

**Keywords:** Chrysanthemum, Tuberose, Gladiolus, selection flower varieties, Southern Coastal Central.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB) là một vùng đất nắng lớn, khô hạn, lụt lội, gió bão xảy ra thường xuyên, việc canh tác nông nghiệp có nhiều hạn chế, nhất là thiếu nước cho cây trồng trong mùa nắng, lũ lụt ở mùa mưa, đời sống nhân dân còn nghèo, chủ lực vẫn là canh tác các loài cây như: Lúa, sắn... Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp điều kiện của tự nhiên để tăng khả năng sản xuất trên một đơn vị diện tích là một yêu cầu không thể thiếu cho việc nâng cao đời sống nông dân trên vùng đất này.

Những thành tựu của việc trồng hoa đã đưa giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp tăng 3-20 lần so với trồng lúa, sắn... Vùng DHNTB tỷ lệ diện tích trồng hoa còn quá ít, và chỉ sản xuất tập trung để cung cấp vào những ngày Tết cổ truyền. Các loài hoa truyền thống ở đây là: Mai, cúc, layon, huệ, thược dược... Nhưng nhìn chung các giống hoa cất hiện đang sử dụng chất lượng thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu cho vùng, thường nhập từ các vùng khác, nhất là hoa Đà Lạt. Mặt khác việc thu thập, chọn giống và xây dựng quy trình canh tác cho các loài hoa chưa được nghiên cứu nhiều và gần như bỏ ngõ, đa số nông dân sử dụng giống tự gieo trồng ở địa phương mà chưa quan tâm nhiều đến việc du nhập, tuyển chọn các loài hoa có chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng.

Việc nghiên cứu các loài hoa có khả năng thích ứng với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội vùng DHNTB là yêu cầu trước mắt và lâu dài cho sự phát triển nghề trồng

hoa, nhất là các giống hoa cúc, layon và huệ.

## II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Vật liệu nghiên cứu

- Hoa cúc gồm các giống: Líc Đỏ, Banh Bông Trắng, Đỏ Nhí, Caraven, Thọ Đỏ, Pha Lê, Thọ Vàng, Sapia Vàng, Fam Tím, Đại Đóa, Fam Vàng.

- Hoa Lay on: San Hô, Đỏ Pháp, Tím Cẩm, Song Sắc, Đỏ Cẩm Cú, Vàng Chanh, Tím Mới, Đỏ Sen, Đỏ Pháp F2, Vàng BB của Viện Nghiên cứu rau quả, Viện Di truyền và các công ty kinh doanh giống hoa Đà Lạt.

- Hoa huệ: Huệ Sẻ, Trâu Tía, Trâu Trắng, Lộc, Xoán, Hương, Lá Dựng.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

- Các thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh (RCBD), 4 lần lặp lại, diện tích ô 5 - 10m<sup>2</sup>.

- Dung lượng mẫu để theo dõi đánh giá là 5 cây/lần lặp, các cây mẫu được định vị ở các góc và giao nhau của đường chéo hình chữ nhật của ô.

- Số liệu nghiên cứu được xử lý theo phương pháp thống kê sinh học bằng chương trình IRRISTAT.

## III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 1. Nghiên cứu tuyển chọn giống hoa Cúc (*Chrysanthemum* sp.)

Qua theo dõi, đặc điểm sinh trưởng và phát triển giống hoa cúc được thể hiện ở bảng 1, 2.

*Bảng 1. Đặc điểm hình thái của các giống hoa cúc*

TT	Giống	Chỉ tiêu	Chiều cao cây (cm)	ĐK thân (mm)	Hình thái lá			Trồng đến thu hoạch (ngày)	
					Dài lá (cm)	Rộng lá (cm)	Độ xẻ thùy		Màu sắc lá
1	Líc Đỏ		52,32	9,01	6,29	4,14	1/3 phiến lá	Xanh nhạt	78
2	Banh Bông Trắng		54,63	8,69	7,61	5,33	1/5 phiến lá	Xanh nhạt	85
3	Đỏ Nhí		59,14	9,75	9,48	4,00	1/3 phiến lá	Xanh nhạt	82
4	Caraven		40,80	7,16	6,26	4,65	1/3 phiến lá	Xanh nhạt	83
5	Thọ Đỏ		44,23	7,03	5,76	4,05	1/3 phiến lá	Xanh đậm	83
6	Thọ Vàng		44,40	6,66	7,87	4,36	2/3 phiến lá	Xanh nhạt	74
7	Pha Lê		65,88	8,53	9,14	4,97	1/3 phiến lá	Xanh đậm	86
8	Sapia Vàng		82,12	9,21	8,99	6,23	1/5 phiến lá	Xanh nhạt	86
9	Fam Tím		77,12	6,10	9,08	5,20	1/5 phiến lá	Xanh đậm	79
10	Đại Đóa		77,30	8,50	9,22	5,63	1/3 phiến lá	Xanh đậm	124
11	Fam Vàng		68,87	7,96	8,95	5,78	1/5 phiến lá	Xanh đậm	80

Kết quả thu thập các giống cúc chịu nhiệt trồng tại Bình Định cho thấy, các giống cúc đều sinh trưởng tốt. Các giống khác nhau chiều cao cây có sự khác biệt khá lớn. Có thể thấy từ giống số 1 đến giống số 6 cây có chiều cao thấp hơn nhiều so các giống số 7-11. Trong nhóm này giống có chiều cao cao nhất là Đỏ Nhí 59,14cm; giống có chiều cao thấp nhất là Caraven 40,8cm. Ngược lại ở nhóm cúc từ số 7-11, giống có chiều cao cây cao nhất là Sapia Vàng lên đến 82,12cm

và thấp nhất là Pha Lê 65,88cm. Đường kính thân không có biến động lớn giữa các giống tham gia thí nghiệm và dao động trong khoảng từ 6,01- 9,75mm.

Về hình thái của lá, giống có chiều dài lá ngắn nhất là Thọ Đỏ 5,76cm; giống có chiều dài lớn nhất là Đỏ Nhí 9,48cm.

Thời gian từ trồng đến thu hoạch dài nhất là giống Đại Đóa 124 ngày và thấp nhất là giống Thọ Vàng 74 ngày.

*Bảng 2. Năng suất của các giống hoa cúc*

TT	Giống	Chỉ tiêu	Màu sắc hoa	Năm 2007			Năm 2008		
				Số hoa/cây	ĐK hoa (mm)	C.thương phẩm (Cây/ha)	Số hoa/cây	ĐK hoa (mm)	C.thương phẩm (Cây/ha)
1	Líc Đỏ		Đỏ viền vàng	92,60	33,05	316.760	87,10	32,12	304.874
2	Banh Bông Trắng		Trắng sữa	32,53	52,74	251.010	29,85	51,73	259.437
3	Đỏ Nhí		Đỏ vàng	71,60	37,61	266.200	65,15	36,58	284.861
4	Caraven		Đỏ	27,53	29,39	188.250	16,75	27,89	159.577
5	Thọ Đỏ		Vàng đậm	23,53	51,07	234.210	10,01	50,48	189.603
6	Thọ Vàng		Vàng tươi	21,60	53,62	250.980	23,15	52,86	283.588
7	Pha Lê		Vàng tươi	18,53	54,89	227.820	17,55	52,92	257.715
8	Sapia Vàng		Vàng đậm	28,27	64,53	283.300	30,00	62,76	290.915
9	Fam Tím		Tím	8,73	59,39	216.980	9,05	58,83	266.755
10	Đại Đóa		Vàng tươi	10,47	58,19	212.230	9,85	56,82	258.961
11	Fam Vàng		Vàng tươi	43,87	57,29	255.290	40,30	56,91	270.488

Qua 2 năm trồng số hoa bình quân trên cây biến động rất lớn giữa các giống tham gia thí nghiệm. Nhìn chung các giống có kích thước hoa càng nhỏ thì số lượng hoa trên cây càng lớn và ngược lại. Giống có số lượng hoa trên cây cao nhất là Líc Đỏ đạt đến 87 - 92 hoa/cây; giống số lượng hoa thấp nhất là Fam Tím 8 - 9 hoa/cây. Đường kính hoa lớn nhất là Sapia Vàng 62 - 64 mm và nhỏ nhất là Caraven 27mm.

Năng suất cành thương phẩm cũng biến động giữa các giống tham gia thí nghiệm, lượng cành thương phẩm nhiều nhất là

giống Líc Đỏ 304.874 - 316.760 cành/ ha. Trong nhóm cúc có hoa lớn (giống 7-11), cao nhất là Sapia Vàng 283.300 - 290.915 cành/ ha.

Về màu sắc: Giống có màu sắc đẹp và đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng là giống Líc Đỏ, Sapia Vàng và Đại Đóa.

## 2. Nghiên cứu tuyển chọn giống cho hoa layon (*Gladiolus communis*)

Qua nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng và phát triển của các giống hoa layon, các kết quả được thể hiện qua bảng 3 và bảng 4.

Bảng 3. Đặc điểm sinh trưởng của các giống layon

STT	Chi tiêu Giống	Màu sắc gốc thân	Số lá /cây	Dài lá (cm)	Rộng lá (cm)	Dài cành hoa (cm)		Màu sắc hoa
						Năm 2007	Năm 2008	
1	San Hô	Xanh	8,21	79,13	3,09	103,46	118,24	Hồng nhạt
2	Đỏ Pháp	Đỏ	7,71	58,89	2,53	97,56	99,26	Đỏ tươi
3	Tím Cẩm	Đỏ	7,78	62,68	2,71	105,96	107,45	Tím
4	Song Sắc	Xanh	7,93	71,52	3,34	114,83	114,44	Vàng, cà rốt
5	Đỏ Cẩm Cú	Đỏ	7,24	55,65	2,70	100,53	98,04	Đỏ
6	Vàng Chanh	Xanh	7,43	70,85	3,79	112,53	107,25	Vàng nhạt
7	Tím Mới	Đỏ	8,29	76,38	2,73	117,70	109,72	Tím tươi
8	Đỏ Sen	Đỏ	7,91	63,20	2,72	115,80	113,16	Đỏ - tím
9	Đỏ Pháp F2	Đỏ	8,22	70,71	2,66	112,03	114,26	Đỏ - tím nhạt
10	Vàng BB	Xanh	7,84	74,30	3,25	113,80	117,91	Vàng tươi
CV%						5,8	5,5	
LSD5%						10,85	11,69	

Layon là loài hoa thích nghi tốt trong điều kiện nhiệt đới, chịu được nhiệt độ khá cao, vì thế layon sinh trưởng và phát triển tốt trong vùng DHNTB. Kết quả nghiên cứu qua 2 năm trồng thử nghiệm cho thấy, số lá/cây giữa 10 giống tham gia thí nghiệm dao động từ 7- 8 lá; trong đó thấp nhất là giống Đỏ Cẩm Cú 7 lá, cao nhất là giống Tím Mới 8 lá. Chiều dài cành hoa giữa 10 giống dao động từ 97,56cm - 118,24cm.

Trong đó thấp nhất là giống Đỏ Pháp, cao nhất là giống San Hô và Vàng BB. Qua phân tích phương sai chiều dài cành hoa chỉ có Đỏ Pháp và Đỏ Cẩm Cú thấp nhất trong các giống đưa trồng và sai khác có ý nghĩa với các giống khác.

Màu sắc hoa: Nhìn chung màu sắc hoa của các giống layon rất đa dạng, được ưa chuộng trên thị trường là giống Đỏ Cẩm Cú, Đỏ Sen, Vàng BB và Song Sắc.

*Bảng 4. Kết quả nghiên cứu năng suất của các giống hoa layon*

STT	Giống	Năm 2007			Năm 2008		
		Số hoa/cây	ĐK hoa (cm)	Cành thương phẩm (cành/ha)	Số hoa/cây	ĐK hoa (cm)	Cành thương phẩm (cành/ha)
1	San Hô	9,16	11,50	217.501	8,50	11,42	224.176
2	Đỏ Pháp	8,16	9,53	216.541	7,10	9,84	210.402
3	Tím Cẩm	12,20	9,73	210.913	9,54	10,24	228.447
4	Song Sắc	10,93	11,81	239.016	11,01	11,46	281.422
5	Đỏ Cẩm Cú	10,16	6,90	202.516	9,24	9,30	241.729
6	Vàng Chanh	10,20	9,15	210.316	9,03	11,26	241.088
7	Tím Mới	12,40	9,45	209.413	9,47	10,64	211.254
8	Đỏ Sen	10,43	8,13	202.251	9,23	9,40	241.467
9	Đỏ Pháp F2	11,83	8,53	204.931	9,04	10,06	198.495
10	Vàng BB	12,50	8,16	232.254	10,02	9,97	242.501
CV%				10,2			8,7
LSD5%				36.858,1			22.310,68

Bảng 4 cho thấy, số hoa bình quân trên cành của giống Vàng BB là 12 hoa, cao nhất trong các giống trồng thử nghiệm. Đường kính hoa lớn nhất là Song Sắc 11,81cm, lượng cành thương phẩm của giống Song Sắc 281.422 cành/ha, cao hơn nhiều và sai khác có ý nghĩa so với các giống khác.

### 3. Nghiên cứu tuyển chọn giống huệ (*Tuberosa*)

Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống hoa huệ được thể hiện qua bảng 5 và bảng 6.

*Bảng 5. Đặc điểm sinh trưởng của các giống hoa huệ*

TT	Giống	Dài lá (cm)		Rộng lá (cm)		Dài cuống hoa (mm)		Màu sắc hoa
		Năm 2007	Năm 2008	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2007	Năm 2008	
1	Huệ Lộc	38,5	36,19	2,25	1,92	30,30	27,54	Trắng
2	Huệ Xoắn	46,3	45,53	2,13	1,86	37,42	35,68	Trắng
3	Huệ Trâu Trắng	39,3	34,76	1,57	1,41	36,15	31,54	Trắng
4	Huệ Trâu Tía	38,8	36,42	1,46	1,50	33,14	34,12	Trắng pha tím
5	Huệ Sẻ	42,2	43,22	1,73	1,71	30,06	27,59	Trắng
6	Huệ Lá Dựng	45,0	45,20	1,26	1,37	31,16	33,87	Trắng
7	Huệ Hương	51,8	49,13	1,46	1,77	30,11	30,21	Trắng

Các giống tham gia thí nghiệm đều sinh trưởng tốt, chiều dài lá cao nhất là giống Huệ Hương 51,8cm, thấp nhất là giống Huệ Trâu Trắng 34,76cm, chiều rộng lá lớn nhất

là Huệ Lộc 2,25cm và thấp nhất là Huệ Lá Dựng 1,26cm. Đa số các giống huệ đều có hoa màu trắng, riêng Huệ Trâu Tía ở giai đoạn búp có màu tím nhạt.

Bảng 6. Năng suất của các giống hoa Huệ

STT	Giống	Năm 2007			Năm 2008		
		Số hoa/cây	Dài cành hoa (cm)	Cành thương phẩm (cành/ha)	Số hoa/cây	Dài cành hoa (cm)	Cành thương phẩm (cành/ha)
1	Huệ Lộc	29,7	38,7	920.600	27,45	35,91	1.059.225
2	Huệ Xoắn	59,4	87,1	840.700	57,46	85,92	990.250
3	Huệ Trâu Trắng	60,2	94,4	1.125.400	62,38	95,68	1.136.250
4	Huệ Trâu Tía	60,6	83,4	1.012.500	60,29	94,08	1.179.000
5	Huệ Sẻ	53,9	86,8	1.012.500	51,02	84,05	1.221.525
6	Huệ Lá Dựng	61,0	92,3	1.150.700	63,15	94,27	1.368.000
7	Huệ Hương	61,4	108,8	1.156.550	63,07	106,03	1.398.875
CV%			5,0	4,4		6,6	5,8
LSD5%			7,4	42.800		10,58	24.361,12

Qua bảng trên cho thấy: Số hoa trên cây ít nhất là giống Huệ Lộc 27 hoa, các giống còn lại biến động trong khoảng 51- 63 hoa/cây. Chiều dài cành hoa cao nhất là Huệ Hương 108,8cm; Huệ Trâu Trắng 95,68cm, Huệ Lá Dựng 94,27cm; giống có chiều dài cành hoa thấp nhất là Huệ Lộc 35,91cm. Năng suất cành thương phẩm sau 6 tháng trồng cao nhất là giống Huệ Hương 1.156.550 cành/ha và Huệ Lá Dựng 1.150.700 cành/ha và sai khác có ý nghĩa so với các giống khác.

#### IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

##### 1. Kết luận

Qua 2 năm nghiên cứu một số giống hoa cho thấy 3 loài hoa cúc, lay ơn, và hoa huệ thích nghi tốt với điều kiện sinh thái vùng DHNTB. Các giống tham gia thí nghiệm đều sinh trưởng khá tốt, số lượng và chất lượng cành thương phẩm đáp ứng yêu cầu thị hiếu người tiêu dùng, giống cho năng suất và chất lượng cao là:

- Hoa cúc: Lic Đỏ, Sapia Vàng, Fam Vàng và Đại Đóa.

- Hoa layon: Đỏ Cẩm Cú, Đỏ Sen, Vàng BB và Song Sắc.

- Hoa huệ: Huệ Hương, Huệ Lá Dựng.

Hội nghị tham quan đầu bờ tại Bình Định được nông dân đánh giá cao về chất lượng

các giống hoa này; đây là tiền đề cho sự phát triển trồng hoa trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng có hiệu quả trên vùng đất DHNTB.

##### 2. Kiến nghị

Cần nghiên cứu các thời vụ trong nhiều năm để đánh giá chính xác đặc tính tốt của giống. Mở rộng kết quả nghiên cứu ở các tiểu vùng sinh thái khác nhau của vùng DHNTB.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Văn Chi, Dương Đức Tiến(1978), “Phân loại học thực vật”, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
2. Đặng Văn Đông và Đinh Thế Lộc (2003), Công nghệ mới trồng hoa cho thu nhập cao - Cây hoa cúc, quyển 1, NXB Lao động - Xã hội.
3. Trần Hợp (1993), Cây cảnh, hoa Việt Nam, NXB Hà Nội.
4. Nguyễn Xuân Linh chủ biên (1998), “Hoa và kỹ thuật trồng hoa”, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, UBND tỉnh Lâm Đồng (2007), Hội nghị khoa học Công nghệ sinh học thực vật trong công tác nhân giống và chọn tạo giống hoa. NXB Nông nghiệp, TP.HCM.

Người phản biện:  
TS. Phạm Xuân Liêm

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH CƠ CẤU CÂY TRỒNG HỢP LÝ TRÊN ĐẤT CÁT VEN BIỂN DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Hoàng Minh Tâm, Đỗ Thị Ngọc, Nguyễn Quốc Hải,  
Nguyễn Thị Dung, Lê Đình Quả, Hồ Công Ôn,  
Phan Trần Việt

### SUMMARY

#### The research results of determining suitable cropping patterns on the coastal sandy soil of the south central coast

The research results on the cropping patterns on the sandy soil of the south central coast from 2007 to 2008 have identified that the two cropping patterns attaining the highest economic efficiency are those of the peanut (in the winter - spring season) with sweet potato (in the autumn - winter season), to achieve net interest from 16.376 - 35.370 millions dong/ha/year; and peanut intercropped with cassava (in the winter - spring season), to achieve net interest from 13.690 - 20.965 millions dong/ha/year.

**Keywords:** cropping patterns, suitable, sandy soil, south central coast of Vietnam

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất cát ven biển vùng Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB) mang nặng đặc điểm khí hậu nóng, ẩm và gió mùa, nên nhiệt độ bề mặt luôn cao hơn so với đất phù sa, tuy nhiên do ảnh hưởng của lượng mưa trung bình năm lớn và mực nước ngầm cao, đặc biệt nhiệt độ của nước ngầm ổn định (ngoại trừ đất cồn cát đỏ và cồn cát trắng, vàng) nên đã điều hòa chế độ nhiệt của đất. Nhờ nhiệt độ của nước ngầm ổn định, nên thuận lợi cho việc phát triển của vi sinh vật cũng như các loại cây trồng, nhưng cần bổ sung dưỡng chất vì đặc điểm nghèo dinh dưỡng của đất cát ven biển.

Trên đất cát biển rất đa dạng về loại hình sản xuất. Về cây lâu năm thường gặp là: Keo lai, keo lá tràm, keo lười liềm, điều, dừa, xoài, nhãn; về loại hình sản xuất cây ngắn ngày thường gặp: Lúa, lạc xen sắn, đậu xanh xen sắn, lạc đông xuân - rau - khoai lang thu đông, trồng hành 4 vụ/năm, chuyên canh rau (vùng đất cát ven đô thị); về chăn nuôi thường gặp: Bò thịt, lợn, gia cầm; về thủy sản nhiều nhất là chuyên canh

tôm sú ở những vùng sát biển, nuôi cá nước ngọt.

Từ các loại hình sản xuất nông, lâm và ngư nghiệp như đã nêu, cho thấy lợi thế và ưu điểm của đất cát biển so với các loại đất cát ven biển khác ở vùng DHNTB. Do đó, để khai thác tiềm năng đất cát ven biển ở vùng này trước hết cần quan tâm đến đất cát biển.

Mặc dù đất cát ven biển tương đối thích hợp để cây trồng phát triển, nhưng suốt thời gian dài khoa học công nghệ chưa quan tâm đến việc tuyển chọn giống và biện pháp canh tác hợp lý đối với các cây trồng có lợi thế về thị trường tiêu thụ, nên năng suất và chất lượng thường đạt thấp hơn so với các loại đất khác, cụ thể: Năng suất sắn đạt thấp hơn 15 tấn/ha, lạc dưới 15 tạ/ha, điều thấp hơn so với vùng đất đòi từ 40 - 50%, khoai lang chưa phát huy được tiềm năng năng suất, xoài đạt dưới 5 tấn/ha, dừa đạt ít hơn 20 quả/cây/năm (số liệu điều tra)... Bên cạnh những hạn chế về giống và kỹ thuật canh tác, việc chưa xác định được hệ thống canh tác hợp lý cũng là một hạn chế lớn trong việc khai thác có hiệu quả và bền vững đối với đất cát ven biển.